

Bản án số: 16/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 06/05/2020

“V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thu In**

- Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Bà Chung Kim Sang**

2/ Ông Nguyễn Quốc Tiến

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Việt Bắc** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Trong ngày 06 tháng 05 năm 2020. Tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc “ly hôn tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Danh Thị P, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 8 khu phố C, phường H, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hồng L, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số Tổ 8 khu phố C, phường H, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn xin ly hôn và lời trình bày của nguyên đơn bà Danh Thị P trình bày:** Bà P và ông L tự nguyện quen nhau, có tổ chức lễ cưới và được UBND huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/9/2008. Trong thời gian chung sống ông bà thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ông L thường xuyên uống rượu và không quan tâm đến vợ con, ông L còn nhiều lần có hành vi xúc phạm đến bà P. Vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Về con chung: Bà P xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thiện P1, sinh ngày 16/7/2011, hiện nay cháu Phúc đang sống với bà P, bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi con và xin rút lại phần yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

* **Bị đơn ông Nguyễn Hồng L có ý kiến tại bản tự khai:** Ông L và bà P tự nguyện quen nhau và được UBND xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/9/2008. Trong thời gian chung sống ông L cũng có nhiều lần

xúc phạm đến bà P, nhưng nay ông L cố gắng sửa chữa đề xin đoàn tụ vợ chồng, ông L yêu cầu được nuôi con, vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

* Tại phiên tòa bà Danh Thị P xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Hồng L, xin rút lại yêu cầu ông Nguyễn Hồng L cấp dưỡng nuôi con.

* Bị đơn ông Nguyễn Hồng L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, tuy nhiên ông Nguyễn Hồng L không có mặt.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Hồng L vắng mặt không có lý do.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Danh Thị P khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, bị đơn ông Nguyễn Hồng L cư trú tại phường Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá thụ lý giải quyết vụ án “tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung” là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn ông Nguyễn Hồng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa, bà P đồng ý xét xử vắng mặt ông L theo quy định pháp luật; do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hồng L.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Bà Danh Thị P và ông Nguyễn Hồng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/09/2008 căn cứ theo quy định tại Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn: Trong quá trình chung sống bà P và ông L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ tình cảm gia đình, ông bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông L thường xuyên uống rượu, có những hành động xúc phạm bà P, ông bà cũng đã ly thân một thời gian để hàn gắn nhưng không thành. Tại phiên tòa, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Hồng L, ông L đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, tuy nhiên ông L không có mặt và không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ vợ chồng phải dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên qua xem xét, đánh giá Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân của bà P và ông L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được, ông bà cũng đã sống ly thân thời gian dài, không hàn gắn tình cảm được, do đó Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị P, xử cho bà P được ly hôn với ông Nguyễn Hồng L.

[5] Xét về con chung Hội đồng xét xử nhận định: Bà P và ông L xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thiện Phúc, sinh ngày 16/7/2011. Hiện nay cháu P1 đang sống chung với bà P. Bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi con vì trong thời gian qua cháu Nguyễn Thiện P1 đang được bà P trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, vẫn phát triển tốt về thể chất cũng như tinh thần, tại biên bản trình bày nguyện vọng của cháu Phúc có ý kiến muốn được sống cùng với bà Danh Thị P nếu bà P và ông L ly hôn, do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Thiện P1, sinh ngày 16/7/2011 cho bà Danh Thị P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa bà Danh Thị P xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Do ông Nguyễn Hồng L không có lời khai tại Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nếu sau này ông Nguyễn Hồng L có yêu cầu về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Danh Thị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí xin ly hôn. Ông Nguyễn Hồng L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 107; Điều 110; khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Danh Thị P đối với ông Nguyễn Hồng L.

- **Về con chung:** Giao con chung là cháu Nguyễn Thiện P1, sinh ngày 16/7/2011 cho bà Danh Thị P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, ông L có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con chung, không ai cản trở ông L thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Danh Thị P không yêu cầu ông Nguyễn Hồng L cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Bà P xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu xem xét giải quyết.

- **Về nợ chung:** Bà P xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Bà Danh Thị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí số 0001573 ngày 23/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/05/2020). Đương sự vắng mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

* Nơi nhận :

- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND TP. Rạch Giá.
- Chi cục THA Dân sự TPRG
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

TRẦN THU IN